

Số: 30/2021/QĐST-HNGĐ

V, ngày 08 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ vào khoản 2 Điều 149; Điều 212; Điều 213; Điều 396 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 156/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Anh Trương Bá T, sinh năm 1993; HKTT: KHC 12, phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Số 7, phố H, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc và chị Nguyễn Thị Minh Th, sinh năm 1995; HKTT: KHC 12, phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Số 8, đường H, phường G, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trương Bá T và chị Nguyễn Thị Minh Th.

- *Về nuôi con chung:* Chị Nguyễn Thị Minh Th được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Trương Hồng N, sinh ngày 02/5/2019. Anh Trương Bá T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th số tiền 2.500.000đ/01 tháng

kể từ tháng 7 năm 2021 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản, vay nợ, công sức*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về các vấn đề khác*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trương Bá T tự nguyện chịu 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí anh T đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0000760 ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Anh T đã nộp đủ tiền lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự trong việc dân sự;
- VKSND TP V;
- Chi cục THADS TP V;
- UBND P. N, TP V, (ĐKKH năm 2018);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Thẩm phán

Đã ký

Mẫu Văn Mùi